TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08-01-2026
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành, bà Nguyễn Thị Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lương Chi Phương - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh ngày 21-9-1992, số Căn cước: 036.192.022.717, ngày cấp 21-4-2025, nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ: Số nhà H, phố P, tổ dân phố A, phường L, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Anh Vũ Anh T, sinh ngày 19-8-1987, số Căn cước công dân: 015.087.004.401, ngày cấp 21-4-2022, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH-Bộ C.

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Văn Quỳ, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai

Chỗ ở: Số nhà 008, phố Phan Đình Phùng, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Các đương sự vắng mặt, đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Chị và anh Vũ Anh T đăng ký kết hôn ngày 10-11-2015, tại UBND xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường V, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp về tính cách,

quan điểm sống và nuôi dạy con chung nên chị không còn tình yêu và mong muốn sống chung, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị và anh đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Anh Tuấn

Về nuôi con: Chị và anh T có 04 con chung là Vũ Minh Đ, sinh ngày 18-11-2015; Vũ Minh T1, sinh ngày 10-7-2017; Vũ Minh A, sinh ngày 22-02-2021; Vũ Linh S, sinh ngày 17-12-2023. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải, chị thay đổi ý kiến, chị đề nghị giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ anh Vũ Anh T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10-11-2015, tại UBND xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường V, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thi thoảng vợ chồng có cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không được. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn không trầm trọng nên không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về nuôi con: Anh và chị M có 04 con chung là Vũ Minh Đ, sinh ngày 18-11-2015; Vũ Minh T1, sinh ngày 10-7-2017; Vũ Minh A, sinh ngày 22-02-2021; Vũ Linh S, sinh ngày 17-12-2023. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án đến khi nghị án đã đúng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Vũ Anh T; giao cho anh Vũ Anh T trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung là: Vũ Minh Đ, sinh ngày 18-11-2015; Vũ Minh T1, sinh ngày 10-7-2017; Vũ Minh A, sinh ngày 22-02-2021; Vũ Linh S, sinh ngày 17-12-2023 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, chị Phạm Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con và đề nghị giải quyết các vấn đề về án phí, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp

về nuôi con. Bị đơn anh Vũ Anh T có hộ khẩu thường trú tại phường V, tỉnh Lào Cai, nên vụ án được Tòa án nhân dân khu vực 6- Lào Cai chuyển vụ án để Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M đã đăng ký ông Trần Mạnh H- Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ngày 20-11-2025, chị M có đơn đề nghị từ chối luật sư tham gia tố tụng nên Tòa án không triệu tập ông H tham gia phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nguyên đơn và bị đơn tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Vũ Anh T đăng ký kết hôn ngày 10-11-2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường V, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống và trong việc nuôi dạy con chung, dẫn đến việc không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị M xác định không còn tình cảm với anh T và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra cãi vã; mặc dù anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn, song trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Từ đó có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị Phạm Thị M và anh Vũ Anh T có 04 con chung là: Vũ Minh Đ, sinh ngày 18-11-2015; Vũ Minh T1, sinh ngày 10-7-2017; Vũ Minh A, sinh ngày 22-02-2021; Vũ Linh S, sinh ngày 17-12-2023. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất giao cả 04 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Vũ Minh Đ và Vũ Minh T1 có nguyện vọng được ở cùng với bố. Đây là sự tự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự

sơ thẩm về việc ly hôn, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị M được ly hôn anh Vũ Anh T.

2. Về nuôi con: Giao các cháu Vũ Minh Đ, sinh ngày 18-11-2015; Vũ Minh T1, sinh ngày 10-7-2017; Vũ Minh A, sinh ngày 22-02-2021; Vũ Linh S, sinh ngày 17-12-2023 cho anh Vũ Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi. Chị Phạm Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0000332 ngày 23-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị M, anh Vũ Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Phòng Thi hành án dân sự 1- Lào Cai;
- VKSND KV1;
- Các đương sự;
- UBND phường phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai (GCN kết hôn số 31, quyển số 01-2015 ngày 10-11-2015).
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Văn